

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/DS-PT

Ngày: 19-9-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán:

Ông Tống Văn Viên

Ông Đặng Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST, ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 237/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Thị N, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Sơn Thị N : Bà Trần Thị H – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (xin vắng mặt)

- Bị đơn:

1/ Bà Sơn Thị T, sinh năm 1947. (Có mặt)

2/ Bà Lâm Thị Na R, sinh năm 1968. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Sơn Thị N, bà Lâm Thị Na R: Bà Trần Thị Đ –Luật sư Cộng tác viên pháp lý trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Kim Thị O, sinh năm 1978; (Có mặt)

2/ Chị Kim Thị Bích H, sinh năm 1985; (Có mặt)

3/ Anh Sơn S, sinh năm 1993; (Vắng mặt)

4/ Chị Sơn Thị V, sinh năm 1995; (Có mặt)

Người đại diện H pháp của anh S S: Bà Lâm Thị Na R là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/11/2017) (Có mặt)

5/ Anh Sơn Hồng D, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

6/ Anh Sơn Hồng S, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

7/ Chị Sơn Thị V, sinh năm 2001; (Vắng mặt)

Người đại diện H pháp của chị S Thị V: Bà Lâm Thị Na R là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/12/2017) (Có mặt)

8/ Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1969; (Vắng mặt)

9/ Chị Sơn Thị Hồng Q, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

10/ Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

11/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

12/ Anh Nguyễn T, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

13/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

14/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

15/ Anh Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1986; (Vắng mặt)

16/ Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

17/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; (Vắng mặt)

Người đại diện của anh Nguyễn Hoàng V, anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn T, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Hoàng E, chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn T: Bà Sơn Thị T là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2017, ngày 20/11/2017, ngày 04/12/2017, ngày 01/12/2017, ngày 23/11/2018) (Có mặt)

18/ Thạch Thị Cẩm T, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

19/ Nguyễn Minh T, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

20/ Bà Kim Thị H, sinh năm 1952; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

21/ Ông Sơn T, sinh năm 1952; (Có mặt)

22/ Bà Sơn Thị S, sinh năm 1950; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

23/ Bà Sơn Thị C, sinh năm 1957; (Chết)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Sơn Thị C:

1. Thạch T, sinh năm 1956; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2. Thạch Thị H, sinh năm 1977; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

3. Thạch T, sinh năm 1981; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

4. Thạch Q, sinh năm 1987; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Thạch L, sinh năm 1983; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Thạch Thị M, sinh năm 1985; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

24/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1938; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

25/Chị Sơn Thị D, sinh năm 1965; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

26/ Chị Sơn Thị D, sinh năm 1968; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)
27/ Chị Sơn Thị V, sinh năm 1973; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)
28/ Anh Sơn Keo S, sinh năm 1975; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)
29/ Anh Sơn Keo S, sinh năm 1977; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)
30/ Anh Sơn Ngọc D, sinh năm 1983; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)
31/ Chị Sơn Thị Cẩm N, sinh năm 1986; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
32/ Ông Sơn Đ, sinh năm 1954; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
33/ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh;
Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị Sa T– Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)
34/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn Thật – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).
- *Người kháng cáo:* bà Sơn Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Sơn Thị N trình bày:

Vào năm 1993, bà Sơn Thị N có nhận chuyển nhượng của bà Kim Thị H, ông Sơn T 6.000 m² đất tọa lạc tại ấp Nê Có, xã Song Lộc, huyện C nhưng đến năm 1995 bà mới nhờ chính quyền địa phương xác nhận. Lúc M đất bà không biết phần đất 1.220 m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ban. Năm 2003, bà mới đăng ký được có 4.780 m², còn lại 1.297m² bà chưa đăng ký quyền sử dụng đất vì lý do thửa đất nói trên là do ông Nguyễn Văn B (choognf bà Sơn Thị T) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc M phần diện tích thửa đất 146, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại Ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bà đã lên liếp trồng dừa phần diện tích trên. Đến năm 2003, khi dừa có trái thì bà giao phần diện tích đất 1.297m² cho mẹ của bà là bà Thạch Thị S và E bà là ông SƠN M hái trái để có thêm chút đỉnh tiền trang trải cuộc sống.

Trong thời gian đó bà có qua nhà bà Sơn Thị T nhiều lần để yêu cầu tách thửa, yêu cầu bà T tách thửa S tên phần diện tích đất 1.297m².

Đến năm 2008 mẹ của bà mất, E bà tên SƠN M tiếp tục canh tác đất trên, năm 2016 E bà là ông SƠN M chết, còn lại E dâu tên Lâm Thị Na R có trả lại và bà đã hái dừa trái được 04 tháng thì Na R ngăn cản không cho bà bẻ dừa nữa. Còn bà T thì nói bà đồn bỏ cây dừa và lấy phần đất đó luôn.

Nay bà yêu cầu bà Sơn Thị T và bà Lâm Thị Na R phải trả lại đất trồng cây ăn trái 1.220m² thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 20/6/2018 bà Sơn Thị N khởi kiện bổ sung yêu cầu tăng diện tích đất tranh chấp khi khởi kiện bằng 1.220m², tăng lên thành 1.297m² thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 02/3/2021 bà Sơn Thị N khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ban được UBND huyện C cấp ngày 25/12/1995 với diện tích 5.180m², thuộc thửa đất 146, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Sơn Thị T là bị đơn trình bày:

Vào năm 1993, bà Sơn Thị N có M của bà Kim Thị H, ông Sơn T 6.000 m², đến năm 1998 mẹ của bà là bà Thạch Thị S đã đổi bà N 2.000m², bà S lấy diện tích 1.297m², bà N đã lấy 2.000m² canh tác lên liếp và trồng cam và bà N có trả lại 02 chỉ vàng 24k cho mẹ của bà do đất của bà N chỉ có 1.297m² ít hơn đất của mẹ bà, sau khi đổi đất thì mẹ của bà đang sống chung với ông SƠN M nên giao cho gia đình ông M canh tác phần diện tích đất trên. Phần diện tích đất trên thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 5 do ông Nguyễn Văn B đứng tên. Sau khi ông B mất bà được thừa kế phần đất này.

Khi mẹ bà vừa mất, gia đình có thỏa thuận sẽ ra Ủy ban nhân dân xã để làm thủ tục tách thửa cho ông M nhưng do ông M bệnh kéo dài và qua đời năm 2016 nên phần đất trên bà vẫn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà Sơn Thị N yêu cầu bà trả lại diện tích đất 1.297 m² bà không thống nhất, vì đất này bà N đã đổi với mẹ của bà là bà Thạch Thị S và mẹ của bà đã cho ông SƠN M rồi. Bà sẽ giao trả đất lại cho bà Lâm Thị Na R (vợ ông S M) nhưng sẽ giải quyết sau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Bà Lâm Thị Na R là bị đơn trình bày:

Bà thống nhất với lời khai của bà Sơn Thị T. Bà không đồng ý giao diện tích 1.297m² thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà Sơn Thị N vì thửa đất này bà N đã đổi với mẹ chồng bà là bà Thạch Thị S và mẹ chồng bà đã cho chồng bà là ông Sơn M rồi.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:

+ Chị Kim Thị O và chị Kim Thị Bích H: Thống nhất với lời trình bày của bà Sơn Thị N, không có ý kiến trình bày bổ sung.

+ Bà Sơn Thị S trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 1.297 m² thuộc M phần thửa 146, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh trước đây phần diện tích đất đó là của ông Sơn Đ, ông Nguyễn Văn N, sau đó ông Đẹt và ông N bán lại cho ông Sơn T và bà Kim Thị H, Sơn T là E của bà, bà Sơn Thị T và anh của bà Sơn Thị N. Thời gian sau ông Sơn T bán lại cho bà N.

Lúc trước bà thấy ông Thương canh tác phần đất này, sau đó bà N M phần đất này và canh tác, hiện tại bà không rõ phần diện tích đất này ai canh tác quản lý và sử dụng.

Bà không có nghe nói chuyện bà Thạch Thị S đổi diện tích đất 2.000m² với phần diện tích đất với bà N 1.297 m² thuộc M phần thửa 146, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nay bà N tranh chấp phần đất này với bà T, bà Na R: Bà không có ý kiến cũng như yêu cầu gì hết, theo bà thì phần đất này là của bà N đã M từ ông Sơn T và bà Kim Thị H, bà T phải tách thửa trả lại phần đất này cho bà N.

+ Ông Sơn T trình bày: Vào năm 1993 vợ chồng ông có chuyển nhượng 06 công (6.000 m²) đất cho chị ruột là Sơn Thị N và ông Kim S, đất tọa lạc tại Ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi M bán ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông có chỉ ranh và giao đất cho bà N đủ 06 công. Sự việc đổi đất giữa ông Sơn M và bà Sơn Thị N thì ông không biết rõ.

Nay bà N tranh chấp với bà T, bà Na R ông không có ý kiến và yêu cầu về tranh chấp này vì đất này tôi đã chuyển nhượng cho bà N. Ông không có nghe nói chuyện bà Thạch Thị S đổi diện tích đất 2.000m² với phần diện tích đất với bà N 1.297m² thuộc M phần thửa 146, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại Ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST, ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 100, Điều 179 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị N là buộc bà Sơn Thị T và bà Lâm Thị Na R phải trả lại đất trồng cây ăn trái 1.297m² thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị N là yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Bang được UBND huyện C cấp ngày 25/12/1995 với diện tích 5.180m², thuộc thửa đất 146, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/5/2022 bà Sơn Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu bà Sơn Thị T và bà Lâm Thị Na R phải giao trả diện tích 1.297m² thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến trình bày của bà Sơn Thị N : Năm 1993 bà có nhận chuyển nhượng của anh ruột là Sơn T 6000 m² đất do M phần đất sinh lầy không làm ruộng được nên năm 1995-1996 bà lên líp diện tích 1.220 m² đất để trồng dừa đến năm 2003 bà cho mẹ ruột là bà Thạch Thị S và E ruột là Sơn M hái trái để trang trải cuộc sống. Trong diện tích này bà có sử dụng M phần làm đường nước lên thửa ruộng số 138 bà nhận chuyển nhượng của ông Sơn T trước đây.

Ý kiến bà Sơn Thị T và bà Lâm Thị Na R: Diện tích tranh chấp 1.297m² năm 1995 bà N M của ông Sơn T, ông Thương đã lên liếp trồng dừa. Bà N đổi đất cho mẹ ruột là bà Thạch Thị S để lấy thửa đất số 144 của bà S và bà N đã lên liếp trồng

dừa, còn diện tích 1.297 m² là bà S sử dụng, bà S chết con là SƠN M sử dụng, ông M chết bà Na R vợ Sơn M tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Sơn Thị T và bà Lâm Thị Na R: Yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị N là không có cơ sở để chấp nhận, Bà N không trực tiếp sử dụng đất và cũng không đăng ký kê khai. Các bị đơn cho rằng bà N đã đổi diện tích tranh chấp này cho bà S là có thật vì có người người ở gần đất biết có việc đổi đất. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D yêu cầu kháng cáo của bà Sơn Thị N là không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với đường nước bà N yêu cầu thuộc thửa đất khác không phải đất của bà N các đương sự tranh chấp sẽ giải quyết vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, luật sư và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Diện tích tranh chấp sau khi thẩm định ngày 24/8/2002 có diện tích 1.296,6 m² thuộc M phần thửa 146 của bà Sơn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất. Đường nước diện tích 62 m² thuộc thửa đất 148 của ông S Niên. Bà N, bà T, bà Na R đều thống nhất diện tích 1.296,6 m² là của bà Sơn Thị N nhận chuyển nhượng của ông Sơn T, ông Thương là anh của bà T, em của bà N.

[2] Bà N khai diện tích đất nêu trên sau khi chuyển nhượng năm 1995-1996 bà lên liếp trồng dừa đến năm 2003 bà cho mẹ ruột là Thạch Thị S hái trái. Bà N và bà Na R khai sau khi M đất bà N đã đổi thửa đất này cho bà S để lấy 2 công đất ở gần Sông Ô C. Bà N không thừa nhận có việc đổi đất. Qua xác minh những người sống gần thửa đất tranh chấp như bà Trương Thị D, ông Sơn N khai chỉ nghe có việc đổi đất còn cụ thể thửa đất nào thì không biết, ông Thạch Phi nguyên Trưởng ban nhân dân ấp Nê C cũng khai nghe chồng bà N nói đổi đất nhưng không trực tiếp chứng kiến việc đổi đất.

[3] Thửa đất 144 diện tích 2.710 m² của bà Sơn Thị N, bà Na R và bà T cho rằng thửa đất này là của bà S đổi cho bà T. Theo tư liệu địa chính do Văn Phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp từ (BL245-259) thể hiện Năm 1983 thuộc M phần thửa 151,160 do ông S Sone và S Ngày đăng ký trong sổ mục kê, Năm 1991 do ông Kim Sao đăng ký kê khai Năm 2017 bà N làm thủ tục hình thức hóa được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất thửa số 3 tờ bản đồ 36 diện tích 2.815 m² cho bà N.

[4] Diện tích 1.296,6 m² đang tranh chấp năm 1991 ông Nguyễn Văn B chồng bà N đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/1995. Sau khi ông B chết năm 2017 bà T làm thủ tục thừa kế và được Văn phòng đăng ký đất đai huyện C điều chỉnh trang tư ngày 16/6/2017.

[5] Bà N khai diện tích 1.296,6 m² năm 2003 bà cho mẹ ruột là Thạch Thị S và em ruột là Sơn M thu hoạch dừa để trang trải cuộc sống khó khăn chứ không cho luôn diện tích đất này. Năm 1994 bà S nhượng của ông Sơn T 06 công đất bà đã làm thủ tục cấp quyền sử dụng diện tích 4.780 m² vào năm 2003, nhưng bà không yêu cầu ông Ban tách thửa đất giao cho bà và bà cũng không có tranh chấp hay khiếu nại việc ông Ban đăng ký cấp quyền sử dụng đất của bà đã giao cho bà S và ông M sử dụng.

Việc bà N khai cho bà S thu hoạch dừa để trang trải cuộc sống là chưa có cơ sở, tại phiên tòa bà khai bà S chia đất cho các con bà S còn lại gần 20 công ruộng và có hơn 02 công vườn nên bà S không phải khó khăn cuộc sống mà bà N phải cho 01 công vườn dừa để hái trái trang trải cuộc sống.

[6] Diện tích 1.296,6 m² bà Thạch Thị S và ông Sơn M sử dụng từ năm 1998, đến năm 2008 bà S chết, ông Sơn M và bà Na R tiếp tục sử dụng bà N cũng không có tranh chấp đòi lại phần đất này. Đến năm 2017, ông Sơn M chết do bà Sơn Thị N và Lâm Thị Na R tranh chấp với nhau việc sử dụng đường nước chung đi ngang thửa đất đang tranh chấp nên bà N mới khởi kiện yêu cầu bà Na R (vợ ông M) trả lại đất.

[7] Từ các chứng cứ nêu trên, nhận thấy diện tích đất đang tranh chấp mặt dù có nguồn gốc từ bà N mua nhưng sau khi cải tạo đất lên liếp trồng dừa thì từ năm 1998 đến nay bà không sử dụng, không đăng ký kê khai theo quy định của pháp luật. Theo quy định khoản 3 Điều 26 Luật Đất đai năm 1993 thì Nhà nước sẽ thu hồi đất nếu người sử dụng đất không sử dụng đất quá 6 tháng hoặc 12 tháng mà không được Nhà nước cho phép. Theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai 2003 và điểm h khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013 thì mua không sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai sẽ bị Nhà nước thu hồi đất như: “Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục,..” Diện tích 1.296,6 m² mặt dù bà N có sử dụng nhưng từ năm 1998 đến nay bà không sử dụng.

Ông Ban đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất và để đất cho mẹ là bà Thạch Thị S và em Sơn M sử dụng, nhà bà S và bà T gần nhau cách M đường đal 2 m. Bà T khai bà có đề nghị bà S làm thủ tục tách thửa S tên nhưng bà S nói để sau này cho bà nên không làm thủ tục tách thửa.

Từ các chứng cứ phân tích nêu trên có cơ sở khẳng định bà N đã từ bỏ quyền sử dụng đất của mình nên không đăng ký kê khai, không sử dụng đất. Mặt khác cũng phù H với lời khai của bà T bà Na R và những người lớn tuổi ở xung quanh đất là bà N đã đổi đất với bà S. Nên yêu cầu kháng cáo của bà N là không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Việc bà N nại ra diện tích đất này của bà dùng làm đường nước để dẫn lên thửa đất 138 của bà. Theo kết quả thẩm định ngày 24/8/2022 thì đường nước này phải lấy nước từ sông Ô Chát qua đất của Ông Sơn N mới qua đường nước cặp ranh diện tích đất tranh chấp mới lên thửa 138 của bà N. Phần đường nước thuộc thửa đất 148 không nằm trong diện tích tranh chấp 1.296,6 m². Thửa bà N không có đường nước để sử dụng đất ruộng thửa số 138 thì bà thương lượng với ông Sơn N, không thỏa thuận được thì được quyền khởi kiện ông Sơn N xin lại đường nước theo quy định của pháp luật.

[9] Diện tích tranh chấp 1.296,6 m² do bà Na R đang sử dụng nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc M phần thửa 146 của bà T đứng tên quyền sử dụng. Tạm giao cho bà Na R quản lý sử dụng. Các đương sự có tranh chấp chia thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất thì được quyền khởi kiện vụ án khác.

[10] Từ các chứng cứ phân tích trên yêu cầu kháng cáo của bà Sơn Thị N là không có cơ sở để chấp nhận. Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết của vụ án nên chấp nhận giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Về lệ phí thẩm định cấp phúc thẩm: 2.680.000 đồng bà Sơn Thị N phải chịu toàn bộ.

[12] Án phí phúc thẩm: Bà Sơn Thị N là người cao tuổi có yêu cầu xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên chấp nhận miễn án phí phúc thẩm cho bà N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100, 166, 203 Luật đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Sơn Thị N

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2021/DS-ST, ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị N là buộc bà Sơn Thị T và bà Lâm Thị Na R phải trả lại đất trồng cây ăn trái 1.297m² thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị N là yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ban được UBND huyện C cấp ngày 25/12/1995 với diện tích 5.180m², thuộc thửa đất 146, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp N, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

4. Về lệ phí thẩm định cấp phúc thẩm: bà Sơn Thị N phải chịu 2.680.000 đồng, bà N đã tạm ứng 5.000.000 đồng còn thừa 2.320.000 đồng bà N nhận lại tại Tòa án.

Về án phí: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Sơn Thị N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung